TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 8 - 2023.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Tạ Văn Nhật

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 133/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; có mặt.

ĐKKHTT: Cụm 2, xã TA, huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ cư trú: Số 334 Ngũ Hành Sơn, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Anh Lê Đức H, sinh năm 1984; vắng mặt.

ĐKHKTT và địa chỉ cư trú: Cụm 2, xã TA, huyện ĐP, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị chị Nguyễn Thị L trình bày:* Chị kết hôn với anh Lê Đức H trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện ĐP, thành phố Hà Nội vào ngày 03/10/2011.

Sau khi kết hôn chị về gia đình nhà anh H sinh sống. Ngay sau khi kết hôn vợ c H đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên uống rượu bia, chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, nhiều lần mang tài sản của vợ c H đi cầm cố lấy tiền chơi cờ bạc. Ngoài ra, anh H còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác, thường xuyên về nhà chửi bới đánh đập chị và các con. Từ khi Tòa án thụ lý đơn của chị và báo gọi anh H đến làm việc để giải quyết việc ly hôn thì anh H về nhà vẫn tiếp tục đánh đập chị và con. nhiều lần chị phải báo chính quyền địa phương can thiệp. Chị đã cố gắng chịu đựng và tha thứ cho anh H nhiều lần nhưng anh không thay đổi tâm tính. Nay xác định tình cảm vợ c H với anh H không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 19/8/2012 và cháu Lê Thị Huyền C, sinh ngày 03/12/2013. Hiện nay hai cháu đang do chị nuôi, các cháu đều có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn thì được ở cùng chị. Trước khi kết hôn với chị thì anh H đã có một con riêng là cháu Lê Thị Khánh Huyền, sinh năm 2008. Từ khi chị kết hôn với anh H thì cháu Huyền ở cùng với anh H và chị. Anh H thường xuyên phải đi làm xa nhà và nhiều lần đánh đập con nên các cháu rất sợ hãi. Do đó, chị đề nghị Tòa án giao cháu Lê Đức A, cháu Lê Thị Huyền C cho chị nuôi để các cháu ổn định tâm lý và việc học hành. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có. Ngoài các yêu cầu và đề nghị nêu trên, chị không yêu cầu, đề nghị vấn đề gì khác.

** Bị đơn anh Lê Đức H trình bày:* Về thời gian kết hôn và chung sống như chị Liên trình bày là đúng. Theo anh trong quá trình chung sống vợ c H không hợp nhau về quan điểm, về công việc nên dẫn đến việc chị Liên làm đơn xin ly hôn gửi ra Tòa án. Anh đồng ý ly hôn với chị Liên với điều kiện anh được nuôi hai con.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 19/8/2012 và cháu Lê Thị Huyền C, sinh ngày 03/12/2013. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị Liên cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Lê Đức H và giải quyết về nuôi con như đã trình bày nêu trên. Anh Lê Đức H đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như trong quá trình điều tra và thu thập chứng cứ vụ án, Toà án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng và qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhận định hôn nhân giữa chị Liên và anh H là hợp pháp. Quá trình sống chung vợ c H đã có nhiều mâu thuẫn, do anh H uống rượu, đánh đập vợ con. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Liên được ly hôn anh H. Về con chung giao hai cháu Lê Đức A và cháu Lê Thị Huyền C cho chị Liên nuôi; chị Liên không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh H. Về tài sản chung, công sức, về nợ không đề nghị xem xét, giải quyết. Chị Liên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, giải quyết nuôi con khi ly hôn với anh Lê Đức H có hộ khẩu thường trú tại cụm 2, xã TA, huyện ĐP, thành phố Hà Nội, xác định đây là quan hệ pháp luật về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Anh Lê Đức H đã có bản tự khai nhưng sau đó không đến Tòa án để làm các thủ tục tố tụng tiếp theo, vì vậy Tòa án không tiến hành được việc hòa giải vụ án. Căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Đức H.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đức H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện ĐP, thành phố Hà Nội vào ngày 03/10/2011 nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1] Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn cũng như các tài liệu điều tra xác định: Chị Liên và anh H trong quá trình sống chung đã có nhiều mâu thuẫn phát sinh từ lâu. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh H nhiều lần có hành vi bạo lực với chị Liên. Hiện tại, chị Liên và anh H đã sống ly thân và không còn quan tâm tới nhau.

Xét quan hệ vợ c H giữa chị Liên và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ c H thực sự không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Liên, cho chị Liên được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Chị Liên và anh H có hai con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 19/8/2012 và cháu Lê Thị Huyền C, sinh ngày 03/12/2013, hiện đang ở

cùng với chị Liên. Anh H hiện đang nuôi con riêng là cháu Lê Thị Khánh Huyền, sinh năm 2008, các cháu Đức Anh và cháu Chi đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Để việc nuôi dưỡng con được đảm bảo, cần giao cháu Lê Đức A và cháu Lê Thị Huyền C cho chị Liên nuôi là phù hợp.

Chị Liên không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định của pháp luật.

[2.3] Tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị Liên, anh H đều không yêu cầu; nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đức H có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Đức H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đức H có hai con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 19/8/2012 và cháu Lê Thị Huyền C, sinh ngày 03/12/2013. Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi hai cháu Lê Đức A và cháu Lê Thị Huyền C cho đến khi các cháu Đức Anh, cháu Chi đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Đức H cho đến khi chị Nguyễn Thị L có yêu cầu hoặc khi có quyết định thay đổi khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Anh Lê Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0003198 ngày 22/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Lê Đức H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THAD huyện Đan Phượng;
- UBND xã Thọ An, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội (GCNĐKKH số 75, Quyển số 01, ngày 03/10/2011)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Doãn Văn Tuyến